

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

(đã được soát xét)



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-23
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-23



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Đào Mạnh Hà**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2024

02/10/2024 - 10:00 AM





Số: **29** /BCTC/AVA.MT

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI được lập ngày 02 tháng 10 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Thị Kim**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4535-2023-126-1

Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2024

074-  
NHÀ  
C. TY  
TOÁN  
ĐỊNH  
GIÁ  
VIỆT  
NAM  
T. T. B

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/9/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>35.945.888.811</b>	<b>41.791.005.502</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>30.782.062.822</b>	<b>19.658.183.223</b>
111	1. Tiền		30.782.062.822	8.658.183.223
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	11.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>17.141.328.767</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	17.141.328.767
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.416.943.383</b>	<b>4.245.989.571</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	4.348.943.383	3.217.211.760
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	68.000.000	810.234.299
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	-	218.543.512
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>163.113.312</b>	<b>144.677.536</b>
141	1. Hàng tồn kho		163.113.312	144.677.536
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>583.769.294</b>	<b>600.826.405</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	583.769.294	420.931.986
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	179.894.419
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>18.831.532.407</b>	<b>18.991.388.891</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>15.784.130.164</b>	<b>17.811.468.911</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	15.784.130.164	17.811.468.911
222	- Nguyên giá		35.013.211.007	34.690.443.280
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.229.080.843)	(16.878.974.369)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>454.968.705</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		454.968.705	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.592.433.538</b>	<b>1.179.919.980</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.592.433.538	1.179.919.980
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>54.777.421.218</b>	<b>60.782.394.393</b>

CÔNG TY TNHH HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI  
 CHỖ VÀ  
 M  
 HUNG



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/9/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.797.407.456</b>	<b>26.777.074.469</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>13.797.407.456</b>	<b>26.777.074.469</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	45.630.000	564.803.724
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	28.403.608	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	110.362.042	1.859.304.785
314	4. Phải trả người lao động		4.388.796.540	8.900.853.425
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	93.833.600	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	7.715.217.743	12.833.961.803
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.415.163.923	2.618.150.732
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>40.980.013.762</b>	<b>34.005.319.924</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>40.980.013.762</b>	<b>34.005.319.924</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.980.013.762	34.005.319.924
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>54.777.421.218</b>	<b>60.782.394.393</b>



Trần Thị Thoa  
Người lập


Dương Thị Minh Thanh  
Kế toán trưởng

Đào Mạnh Hà  
Giám đốc



Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2024

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	79.829.553.166	62.225.125.024
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.829.553.166	62.225.125.024
11	4. Giá vốn hàng bán	19	34.418.477.958	28.633.747.436
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.411.075.208	33.591.377.588
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	307.545.252	257.341.316
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	11.634.006.829	9.793.305.075
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.084.613.631	24.055.413.829
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	22	18.993.004	128.011.164
40	13. Lợi nhuận khác		(18.993.004)	(128.011.164)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.065.620.627	23.927.402.665
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	6.816.922.726	4.811.082.766
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>27.248.697.901</u>	<u>19.116.319.899</u>

Trần Thị Thoa  
Người lậpDương Thị Minh Thanh  
Kế toán trưởngĐào Mạnh Hà  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		34.065.620.627	23.927.402.665
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.350.106.474	2.324.967.527
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(307.545.252)	(257.341.316)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.108.181.849	25.995.028.876
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(142.559.393)	(613.463.792)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(18.435.776)	(68.825.860)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.339.351.896)	(2.449.871.499)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.575.350.866)	34.656.576
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.478.614.526)	(4.299.349.217)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.952.276.943)	(5.148.579.716)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.601.592.449	13.449.595.368
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(777.736.432)	(1.175.965.255)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(11.141.328.767)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.141.328.767	15.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		459.045.252	257.341.316
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.822.637.587	2.940.047.294
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.300.350.437)	(5.597.122.115)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.300.350.437)	(5.597.122.115)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		11.123.879.599	10.792.520.547
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.658.183.223	6.796.124.923
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.114.690
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>30.782.062.822</u>	<u>17.589.760.160</u>

Trần Thị Thoa  
Người lậpDương Thị Minh Thanh  
Kế toán trưởngĐào Mạnh Hà  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2024



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI được thành lập theo Quyết định số 1549/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Giao thông Vận tải, sau đó được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 1780/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải, được chuyển về làm đơn vị thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc theo quyết định số 2400/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH số 2900910823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chủ sở hữu: Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Bắc; Mã số doanh nghiệp 0200640769 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 03 tháng 8 năm 2010. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 - lô 11A đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 40.980.013.762 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 34.005.319.924 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là: 69 người (tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 là: 68 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Đào tạo hoa tiêu hàng hải.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Ngày 06/02/2024, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 132/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc giai đoạn đến hết năm 2025;

Ngày 24/6/2024, Hội đồng thành viên Tổng Công ty BĐATHH miền Bắc ban hành Quyết định số 759/QĐ-TCTBĐATHHMB về việc phê duyệt Hồ sơ đề nghị hợp nhất các Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải thuộc Tổng Công ty;

Ngày 24/6/2024, Hội đồng thành viên Tổng Công ty BĐATHH miền Bắc ban hành Quyết định số 768/QĐ-TCTBĐATHHMB về việc thành lập Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc;

Ngày 01/10/2024, Tổng Công ty BĐATHH miền Bắc ban hành Quyết định số 1326/QĐ-TCTBĐATHHMB về việc thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc – Hoa tiêu VI;



## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI tại Thanh Hóa

Địa chỉ

Thôn Đông Yên, xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Hoạt động kinh doanh chính

Giao dịch với khách hàng trong phạm vi hoạt động của công ty

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/9 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

**2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.



## **2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## **2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

## **2.12 . Vốn chủ sở hữu**

*Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

## **2.13 . Doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.14 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4-00  
HÀNG  
Y TH  
SẢN  
NH C  
NAM  
TRU  
NG



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.16 . Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải**

Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được quy định tại Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam; Quyết định số 479/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 30/12/2022 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được áp dụng từ ngày 01/01/2023. Quyết định số 281/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 28/6/2023 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được áp dụng từ ngày 01/7/2023. Quyết định số 71/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 01/02/2024 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được áp dụng từ ngày 15/02/2024.

**2.17 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/9/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	332.006.658	320.379.846
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.450.056.164	8.337.803.377
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
	<u>30.782.062.822</u>	<u>19.658.183.223</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/9/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
- CN Công ty TNHH Hoyer Transport VN tại Hà Tĩnh		-	541.078.534	-
- Công ty TNHH Thanh Thành Đạt	115.280.729	-	190.000.553	-
- Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Biển Hải Vân	337.824.404	-	375.357.370	-
- Công ty TNHH Đại lý Hàng hải Bình Minh	124.464.681	-	150.557.921	-
- Công ty CP Quốc tế KPB	152.732.664	-	274.200.511	-
- Công ty TNHH Lê Phạm	176.110.750	-	270.647.844	-
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải VN - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	270.305.717	-	245.851.099	-
- CN Công ty TNHH Hansen Transport VN tại Hà Tĩnh	377.484.728	-	-	-
- Công ty CP Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa	643.819.088	-	208.293.090	-
- Công ty CP Đại lý hàng hải Nghi Sơn	226.859.304	-	126.216.838	-
- Công ty CP Cảng quốc tế Lào - Việt	242.309.956	-	43.608.398	-
- Phải thu khách	1.681.751.362	-	791.399.602	-
	<b>4.348.943.383</b>	<b>-</b>	<b>3.217.211.760</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/9/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn du lịch An Tín - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	-	-	78.320.000	-
- Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu thuyền Hải Châu	-	-	731.914.299	-
- Ban QLDA Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc	68.000.000	-	-	-
	<b>68.000.000</b>	<b>-</b>	<b>810.234.299</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	30/9/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	151.500.000	-
Tạm ứng	-	-	12.836.975	-
Phải thu khác	-	-	54.206.537	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>218.543.512</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/9/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	163.113.312	-	144.677.536	-
	<b>163.113.312</b>	<b>-</b>	<b>144.677.536</b>	<b>-</b>

**8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/9/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	454.968.705	-
- Đóng mới 01 tàu đưa đón Hoa tiêu	454.968.705	-
	<b>454.968.705</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**Tên dự án: Đóng mới 01 tàu đưa đón hoa tiêu**

- Địa điểm xây dựng: Nhà máy đóng tàu trong nước
- Mục đích xây dựng: Bổ sung phương tiện thủy còn thiếu phải đi thuê ngoài của Công ty, đáp ứng yêu cầu đưa đón hoa tiêu an toàn, đồng thời nâng cao năng lực hoạt động, nâng cao hình ảnh và độ tin cậy với các Chủ tàu, Chủ cảng của Công ty trong việc cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Đáp ứng quy định về số lượng phương tiện đưa đón hoa tiêu tối thiểu của Công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI
- Nguồn vốn đầu tư: Từ vốn tái đầu tư, vốn đầu tư phát triển của Công ty; vốn vay thương mại và các nguồn vốn hợp pháp khác
- Quy mô của dự án: Dự án nhóm C
- Tổng mức đầu tư: 14.950.000.000 đồng
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: bắt đầu từ quý I/2024 đến quý II/2025
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/09/2024: Dự án thực hiện theo đúng kế hoạch được phê duyệt, đang triển khai giai đoạn lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án.

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	6.463.353.389	169.800.000	28.057.289.891	34.690.443.280
- Mua trong kỳ	-	322.767.727	-	322.767.727
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.463.353.389</b>	<b>492.567.727</b>	<b>28.057.289.891</b>	<b>35.013.211.007</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	4.136.010.171	73.580.000	12.669.384.198	16.878.974.369
- Khấu hao trong kỳ	192.261.668	37.691.138	2.120.153.668	2.350.106.474
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.328.271.839</b>	<b>111.271.138</b>	<b>14.789.537.866</b>	<b>19.229.080.843</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	2.327.343.218	96.220.000	15.387.905.693	17.811.468.911
Tại ngày cuối kỳ	2.135.081.550	381.296.589	13.267.752.025	15.784.130.164

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.562.063.637 đồng.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/9/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	21.623.652	62.319.302
Sửa chữa trạm Hoa tiêu Vũng Áng	236.939.725	-
Sửa chữa VPĐD Thanh Hóa	126.230.943	-
Chi phí sửa chữa phòng họp tầng 3	-	128.756.740
Chi phí bảo hiểm	144.074.973	164.496.806
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	54.900.001	65.359.138
	<b>583.769.294</b>	<b>420.931.986</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

b) Dài hạn			
Chi phí sửa chữa tàu Hoa tiêu 01	669.190.903	-	
Chi phí sửa chữa tàu Hoa tiêu 02	977.013.873	-	
Chi phí sửa chữa tàu Hoa tiêu 03	890.812.373	-	
Phần mềm kế toán	-	4.097.852	
Chi phí trả trước dài hạn khác	55.416.389	1.175.822.128	
	<b>2.592.433.538</b>	<b>1.179.919.980</b>	

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/9/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty CP Xi măng Sông Lam	45.630.000	45.630.000	38.350.000	38.350.000
- Công ty TNHH Long Phương Phát	-	-	60.120.000	60.120.000
- Nguyễn Thị Hương	-	-	88.366.600	88.366.600
- Trần Văn Thắng	-	-	246.512.000	246.512.000
- Nguyễn Văn Hòa	-	-	9.741.200	9.741.200
- Công ty CP cảng Quốc tế	-	-	8.844.174	8.844.174
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	112.869.750	112.869.750
	<b>45.630.000</b>	<b>45.630.000</b>	<b>564.803.724</b>	<b>564.803.724</b>

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/9/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Công ty TNHH Vận tải và xuất nhập khẩu Trường Nguyễn	6.312.608	-
- Công ty TNHH Liên hợp vận tải và du lịch VI.TRA.CO	15.072.600	-
- Người mua trả tiền trước các đối tượng khác	7.018.400	-
	<b>28.403.608</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trú, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	362.494.040	-	350.744.983	-	11.749.057	-	-	-	11.749.057
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.696.304.785	6.816.922.726	-	8.478.614.526	-	34.612.985	-	-	-	34.612.985
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	163.000.000	2.040.445.456	-	2.139.445.456	-	64.000.000	-	-	-	64.000.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	40.997.671	-	40.997.671	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	39.568	-	39.568	-	-	-	-	-	-
	-	-	<b>1.859.304.785</b>	<b>9.263.899.461</b>	-	<b>11.012.842.204</b>	-	<b>110.362.042</b>	-	-	-	<b>110.362.042</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

- Chi phí phải trả khác	30/9/2024	01/01/2024
	93.833.600	-
	<b>93.833.600</b>	<b>-</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

- Kinh phí công đoàn	30/9/2024	01/01/2024
- Phải trả Tổng Công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc	VND	VND
- Phải trả lãi vay	33.659.982	-
- Tiền dịch vụ hoa tiêu hàng hải quá cảnh của Lào	5.824.713.929	11.600.350.437
	1.856.843.832	1.233.611.366
	<b>7.715.217.743</b>	<b>12.833.961.803</b>

**b) Trong đó: Phải trả ngân hạn khác là các bên liên quan**

- Tổng Công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc	5.824.713.929	11.600.350.437
	<b>5.824.713.929</b>	<b>11.600.350.437</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đình Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>26.235.013.762</b>	-	-	-	-	<b>26.235.013.762</b>
Tăng vốn trong kỳ trước	7.770.306.162	(7.770.306.162)	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	25.901.020.539	-	25.901.020.539
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.770.306.162	(14.300.670.102)	-	(6.530.363.940)
Chuyển về Tổng Công ty Bảo hiểm ATHH miền Bắc	-	-	-	(11.600.350.437)	-	(11.600.350.437)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>34.005.319.924</b>	-	-	-	-	<b>34.005.319.924</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>34.005.319.924</b>	-	-	-	-	<b>34.005.319.924</b>
Tăng vốn trong năm nay	6.974.693.838	(6.974.693.838)	-	-	-	-
Lãi trong kỳ nay	-	-	-	27.248.697.901	-	27.248.697.901
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	8.174.609.370	(13.923.899.504)	-	(5.749.290.134)
Chuyển về Tổng Công ty Bảo hiểm ATHH miền Bắc	-	-	(1.199.915.532)	(13.324.798.397)	-	(14.524.713.929)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>40.980.013.762</b>	-	-	-	-	<b>40.980.013.762</b>

(\*) Theo Quyết định số 673/QĐ-TCTBĐATHHMB ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tổng Công ty Bảo hiểm hải miền Bắc về việc ban hành Quy chế tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VI, Công ty đã thực hiện tạm phân phối lợi nhuận trong năm 2024, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	27.248.697.901
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00%	8.174.609.370
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	0,86%	235.584.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20,23%	5.513.706.134
Chi trả lợi nhuận cho chủ sở hữu (Công ty mẹ)	48,90%	13.324.798.397
Lợi nhuận chưa phân phối	0,00%	-



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Tổng công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc	100,00%	40.980.013.762	100,00%	34.005.319.924
	<b>100%</b>	<b>40.980.013.762</b>	<b>100%</b>	<b>34.005.319.924</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận**

	9 tháng đầu năm VND	9 tháng đầu năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.980.013.762	26.235.013.762
- Vốn góp đầu kỳ	34.005.319.924	26.235.013.762
- Vốn góp tăng trong kỳ	6.974.693.838	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	<b>40.980.013.762</b>	<b>26.235.013.762</b>
Lợi nhuận:		
- Lợi nhuận phải trả đầu kỳ	11.600.350.437	5.597.122.115
- Lợi nhuận phải trả trong kỳ	13.324.798.397	-
+ Lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	-
+ Lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	13.324.798.397	-
- Lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(20.300.350.437)	(5.597.122.115)
+ Lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(20.300.350.437)	(5.597.122.115)
+ Lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<b>4.624.798.397</b>	<b>-</b>

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	30/9/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	153,14	163,04

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	9 tháng đầu năm 2024 VND	9 tháng đầu năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.829.553.166	62.225.125.024
	<b>79.829.553.166</b>	<b>62.225.125.024</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	9 tháng đầu năm 2024 VND	9 tháng đầu năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.418.477.958	28.633.747.436
	<b>34.418.477.958</b>	<b>28.633.747.436</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	9 tháng đầu năm 2024 VND	9 tháng đầu năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	307.545.252	257.341.316
	<b>307.545.252</b>	<b>257.341.316</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	9 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương, bảo hiểm, kinh phí công đoàn	6.932.074.200	5.639.682.712
Chi phí đồ dùng văn phòng	363.054.738	277.210.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.808.798	106.977.015
Thuê, phí, lệ phí	43.997.671	30.897.447
Chi phí vật liệu quản lý	38.524.144	38.846.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	953.426.256	831.531.657
Chi phí khác bằng tiền	3.218.121.022	2.868.159.250
	<b>11.634.006.829</b>	<b>9.793.305.075</b>

**22 . CHI PHÍ KHÁC**

	9 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí khác	18.993.004	128.011.164
	<b>18.993.004</b>	<b>128.011.164</b>

**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	9 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.065.620.627	23.927.402.665
Các khoản điều chỉnh tăng	18.993.004	128.011.165
- Chi phí không hợp lệ	18.993.004	128.011.165
Thu nhập chịu thuế TNDN	34.084.613.631	24.055.413.830
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>6.816.922.726</b>	<b>4.811.082.766</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.696.304.785	1.122.101.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(8.478.614.526)	(4.299.349.217)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>34.612.985</b>	<b>1.633.834.675</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	9 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.134.802.281	8.764.414.429
Chi phí nhân công	25.503.034.751	20.916.697.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.350.106.474	2.324.967.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.537.727.878	3.189.017.842
Chi phí khác bằng tiền	3.526.813.403	3.149.888.751
	<b>46.052.484.787</b>	<b>38.344.985.921</b>

**25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Bảo hiểm an toàn hàng hải miền Bắc	Công ty mẹ
Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc	Chủ tịch HĐQT, thành viên Ban Giám đốc


Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

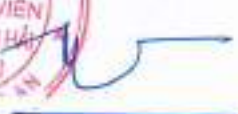
	9 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Phân chia lợi nhuận trong năm</b>	<b>20.300.350.437</b>	<b>5.597.122.115</b>
Tổng Công ty Bảo hiểm an toàn hàng hải miền Bắc	20.300.350.437	5.597.122.115
	9 tháng đầu năm 2024	9 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		
Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc	2.651.828.610	1.832.420.925

**26 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam tại miền Trung kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2023 đến 30/9/2023 do Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải Khu vực VI lập.

  
Trần Thị Thoa  
Người lập

  
Dương Thị Minh Thanh  
Kế toán trưởng

  
Đào Mạnh Hà  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 02 tháng 10 năm 2024